

THU HẸP KHOẢNG CÁCH VỀ THU NHẬP CỦA TỈNH NGHỆ AN VỚI CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRONG NƯỚC

Lý Đại Hùng

Tóm tắt: Bài viết này phân tích quá trình phát triển kinh tế của tỉnh Nghệ An trong tương quan với các địa phương trong tiểu vùng Bắc Trung Bộ và với cả nước, căn cứ vào sự thay đổi của ba đột phá chiến lược, gồm thể chế, nhân lực và cơ sở hạ tầng. Kết quả phân tích cho thấy, tỉnh Nghệ An đã đạt được kết quả đáng kể trong phát triển kinh tế gắn liền với sự ổn định trong phân phối thu nhập. Tỉnh đang dần thu hẹp khoảng cách thu nhập so với mức bình quân của cả nước nhưng lại đang nới rộng khoảng cách thu nhập so với mức bình quân của tiểu vùng Bắc Trung Bộ và của các thành phố trực thuộc Trung ương. Từ đó, tập trung đầu tư vào nguồn nhân lực và thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nên trở thành các ưu tiên chính sách trong thời gian tới với Nghệ An.

Từ khóa: Đột phá chiến lược; Khoảng cách về thu nhập; Nghệ An; Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Giới thiệu

Nền kinh tế của tỉnh Nghệ An đang trong quá trình hướng tới mức phát triển khá, là trung tâm kết nối phát triển của tiểu vùng Bắc Trung Bộ và của cả vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 (Tạp chí Cộng sản điện tử, 2020). Trong không gian phát triển chung của cả nước, khi mà các địa phương khác cũng đang đề ra các chỉ tiêu cao về thu nhập bình quân đầu người, mục tiêu về tổng sản lượng nội tỉnh (GRDP) bình quân đầu người đạt 83 triệu đồng của tỉnh Nghệ An vào năm 2025 đang xếp cao thứ 3/5 địa phương của tiểu vùng Bắc Trung Bộ, cao thứ 12/14 địa phương của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, và cao thứ 41/63 trong các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - (Thời báo Vnexpress, 2021). Việc hiện thực hóa mục tiêu về thu nhập phụ thuộc vào nền tảng về phát triển kinh tế đã được tích lũy qua thời gian và các chủ trương, quyết sách ở cả cấp địa phương và trung ương.

Bài viết này tập trung vào quá trình nâng cao thu nhập của tỉnh Nghệ An dựa trên một số yếu

tổ nền tảng kinh tế trong giai đoạn 2010-2021. Cụ thể, nội dung nghiên cứu đánh giá kết quả thu hẹp khoảng cách về thu nhập của tỉnh Nghệ An trong tương quan với các địa phương khác trong tiểu vùng Bắc Trung Bộ (gồm Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị) và với cả nước. Trong đó, thu hẹp khoảng cách về thu nhập được định nghĩa là quá trình một địa phương tiến gần hơn đến mức thu nhập của một địa phương khác có mức thu nhập cao nhất trong cả nước trong một khoảng thời gian nhất định.

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, dựa trên bộ dữ liệu gồm 63 địa phương tại Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2021. Trong đó, riêng các số liệu liên quan đến tổng sản lượng nội tỉnh (GRDP – Gross Regional Domestic Product) mới được Tổng cục Thống kê công bố đến năm 2018, với chủ trương để cơ quan này trở thành một đầu mối thống nhất tính toán cho toàn bộ các địa phương trong cả nước. Ngoài ra, bài viết này cũng xác định thành phố Hồ Chí Minh là địa phương dẫn đầu cả nước, và là mức mục tiêu để tính toán khoảng cách về thu nhập của các địa phương khác.

Kết quả nghiên cứu ghi nhận rằng, tỉnh Nghệ An đã đạt được kết quả khả quan trong phát triển kinh tế, thể hiện ở tốc độ tăng trưởng cao hơn cả nước, gắn liền với phân phối thu nhập ổn định theo thời gian. Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Nghệ An đang bắt kịp với cả nước nhưng đồng thời lại đang dần kéo giãn khoảng cách so với bình quân của tiểu vùng Bắc Trung Bộ và với các thành phố trực thuộc Trung ương. Quá trình này chịu sự chi phối đáng kể bởi tốc độ tăng trưởng thu nhập, chất lượng nguồn nhân lực và lượng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Bài viết cũng đưa ra một số gợi ý về hoạch định chính sách. Bên cạnh việc tiếp tục duy trì các kết quả tích cực trong nâng cao chất lượng thể chế, nguồn nhân lực và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nên được ưu tiên hơn để địa phương này cải thiện mạnh mẽ kết quả về thu hẹp khoảng cách thu nhập với các địa phương trong tiểu vùng Bắc Trung Bộ và với các thành phố trực thuộc Trung ương.

Bài viết đóng góp thêm một đánh giá về tình hình kinh tế của tỉnh Nghệ An. Cụ thể, bài viết làm rõ vai trò đóng góp của một số yếu tố nền tảng kinh tế, nhất là ba đột phá chiến lược (Tạp chí Điện tử cộng sản, 2022), gồm nhân lực, thể chế, và cơ sở hạ tầng, đối với tiến trình thu hẹp khoảng cách về thu nhập của tỉnh Nghệ An đối với mức bình quân chung của các nền kinh tế địa phương khác trong tiểu vùng Bắc Trung Bộ và với cả nước, đại diện bởi các thành phố trực thuộc Trung ương (Barro và Sala-i-Martin, 1992). Từ đó, bài viết làm rõ vị thế phát triển của tỉnh Nghệ An trong tương quan với các địa phương khác trong vùng lân cận và với cả nước.

Kết quả nghiên cứu về tỉnh Nghệ An cũng mang tính gợi mở đối với quá trình phát triển kinh tế của các địa phương khác trong cả nước. Đối với tiểu vùng Bắc Trung Bộ, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đóng vai trò quan trọng, vì thành tích thu hẹp khoảng cách về thu nhập với cả nước tại tỉnh Thanh Hóa và Hà Tĩnh vượt trội hơn Nghệ An chủ yếu do nhận được nhiều vốn FDI hơn. Và đối với cả nước, sự kết hợp của

chất lượng nguồn nhân lực và vốn FDI đóng vai trò quan trọng đối với thu hẹp khoảng cách về thu nhập của một địa phương với cả nước.

Nội dung của bài viết cũng liên quan đến các nghiên cứu về thu hẹp khoảng cách thu nhập của một nền kinh tế với các nền kinh tế khác. Về lý thuyết, thu hẹp khoảng cách thu nhập được hiểu là hội tụ tuyệt đối, tức là hai nền kinh tế tiến tới cùng một mức thu nhập mặc dù xuất phát điểm về thu nhập khác nhau (Barro & Sala-i-Martin, 1992). Theo mô hình tăng trưởng tân cổ điển, sự hội tụ tuyệt đối này xảy ra dựa vào quá trình tích lũy vốn tư bản trong một nền kinh tế (Solow, 1956). Tuy nhiên, các bằng chứng thực nghiệm vẫn thường kết luận rằng, hội tụ về thu nhập thường khó xảy ra, vì nhiều lý do như sự khác biệt về chất lượng thể chế (Acemoglu, 2015), chênh lệch về trình độ phát triển thị trường tài chính (Aghion & cộng sự, 2005).

Kết quả của bài viết này thể hiện rằng, sự thu hẹp về khoảng cách thu nhập có sự khác biệt rõ ràng giữa các nền kinh tế địa phương trong một quốc gia. Bản thân địa phương dẫn đầu vẫn không ngừng nâng cao thu nhập, thậm chí với một tốc độ khá cao. Ngoài ra, địa phương dẫn đầu còn là một cực tăng trưởng, thu hút các nguồn lực, gồm cả nhân lực và vốn đầu tư, từ các địa phương khác. Số liệu trong bài viết này ghi nhận rằng thành phố Hải Phòng, với thành tích tốt nhất, thu hẹp được 0,21 khoảng cách thu nhập, còn tỉnh Nghệ An thu hẹp được 0,08 khoảng cách thu nhập với thành phố Hồ Chí Minh trong 11 năm từ năm 2010 đến năm 2021. Như vậy, giả sử mức thu nhập của thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên như năm 2021, thì Hải Phòng sẽ cần 41,6 $(=(1-0,21)/(0,21/11))$ năm và Nghệ An cần 126 $(=(1-0,08)/(0,08/11))$ năm để rút khoảng cách thu nhập bằng không, tức là bắt kịp với mức thu nhập của thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả mô phỏng sơ bộ này gợi mở rằng, cũng như trên thế giới, sự thu hẹp hoàn toàn khoảng cách thu nhập của một địa phương so với địa phương dẫn đầu cả nước hiện nay là vô cùng khó khăn.

1. Phát triển kinh tế

1.1. Chất lượng tăng trưởng

Nền kinh tế của tỉnh Nghệ An đã mở rộng đáng kể qua các năm. Trong Bảng 1, theo số liệu của Tổng cục Thống kê (TCTK) (2022), quy mô tổng sản lượng nội tỉnh (GRDP) của địa phương đã tăng từ 84.168 tỷ đồng vào năm 2015 lên 115.667 tỷ đồng vào năm 2018. Tỷ trọng GRDP của tỉnh so với cả nước cũng đã gia tăng nhẹ, chiếm từ 1,87% vào 2015 lên

1,91% vào 2018. Quá trình mở rộng kinh tế dựa trên tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm giai đoạn 2015-2018 đạt 7,70%/năm, cao hơn 1% với mức trung bình của cả nước (cả nước đạt 6,9%/năm trong cùng giai đoạn). Các kết quả tăng trưởng kinh tế này đã được chuyển hóa thành các thành tích về phát triển kinh tế, thể hiện qua sự hội tụ thu nhập của tỉnh với cả nước, và đi kèm với sự thay đổi về phân phối thu nhập.

BẢNG 1. TỔNG SẢN LƯỢNG NỘI TỈNH (GRDP) CỦA TỈNH NGHỆ AN

Năm	2015	2016	2017	2018
GRDP của địa phương (tỷ đồng, giá hiện hành)	84.168	92.217	103.123	115.667
Tỷ trọng GRDP so với cả nước (%)	1,87	1,84	1,86	1,91
Tốc độ tăng GRDP của địa phương (%)	6,81	6,98	8,25	8,77
Tốc độ tăng GRDP của cả nước (%)	6,21	6,81	7,08	7,57
GRDP bình quân đầu người của địa phương (triệu đồng)	27,3	29,7	32,9	36,6
GRDP bình quân đầu người của cả nước (triệu đồng)	45,7	48,6	53,4	58,5
GRDP bình quân đầu người của địa phương so với cả nước (%)	60,0	61,0	62,0	63,0

Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê, 2022.

Tuy nhiên, thành tích về tăng trưởng kinh tế của tỉnh Nghệ An còn chưa gắn liền với sự cải thiện trong mô hình tăng trưởng. Theo Bảng 2, hệ số ICOR, thể hiện hiệu quả sử dụng vốn của tỉnh đang cao hơn so với cả nước: năm 2015, tỉnh đạt 6,64 so với cả nước đạt 4,89, và năm 2018, tỉnh đạt 6,13 so với cả nước đạt 4,05. Còn về hiệu quả sử dụng lao động, thể hiện qua năng

suất lao động, địa phương này cũng đang dần bắt kịp với cả nước. Năm 2015, năng suất lao động của tỉnh đạt 45,06 triệu đồng/lao động, chiếm 53% so với cả nước. Đến năm 2018, năng suất lao động của tỉnh đã đạt 61,89 triệu đồng, gia tăng tỷ lệ, chiếm 55% so với cả nước. Như vậy, cả hiệu quả sử dụng vốn và lao động của tỉnh Nghệ An đều chưa theo kịp cả nước.

BẢNG 2. CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG CỦA TỈNH NGHỆ AN

Năm	2015	2016	2017	2018
Tổng vốn đầu tư toàn xã hội của địa phương (tỷ đồng, giá hiện hành)	38032,0	48221,0	54463,0	62205,0

Tỷ trọng vốn so với GRDP của địa phương (%)	45,19	52,29	52,81	53,78
Tỷ trọng vốn so với GRDP của cả nước (%)	32,60	33,00	33,30	33,50
Hệ số ICOR của địa phương (theo giá hiện hành)	6,64	7,49	6,40	6,13
Hệ số ICOR của cả nước (theo giá hiện hành)	4,89	4,36	4,26	4,05
Năng suất lao động của địa phương (triệu đồng/người)	45,06	49,48	55,41	61,89
Năng suất lao động của cả nước (triệu đồng/người)	85,23	93,92	103,20	111,63
NSLĐ của địa phương so với cả nước (lần)	0,53	0,53	0,54	0,55

Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê, 2022.

1.2. Thu hẹp khoảng cách về thu nhập với cả nước

Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Nghệ An đang dần tiệm cận với mức trung bình của cả nước nhưng gần như ổn định, thậm chí giảm ra so với thu nhập của tiểu vùng Bắc Trung Bộ cũng như vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

Theo Bảng 3, dựa vào số liệu của TCTK, thu nhập bình quân của mỗi người dân trong

tỉnh đã tăng từ 1,39 triệu vào năm 2010 lên 3,0 triệu vào năm 2016 và 4,2 triệu vào năm 2021. Sự gia tăng thu nhập đã giúp địa phương thu hẹp khoảng cách thu nhập với các tỉnh trong cả nước. Tỷ lệ thu nhập của tỉnh so với cả nước đã gia tăng thêm 7,3 điểm phần trăm trong giai đoạn 2010-2021, tăng từ 66,3% vào 2010 lên 73,6% vào 2021.

CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG CỦA TỈNH NGHỆ AN

Năm	2010	2012	2014	2016	2018	2019	2020	2021
Cả nước	1387,0	2000,0	2637,0	3098,0	3876,0	4295,0	4249,2	4204,8
Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	1018,0	1505,0	1982,0	2358,0	3015,0	3331,0	3403,2	3493,2
Tiểu vùng Bắc Trung Bộ	900,2	1316,6	1707,6	2082	2722,2	2976,8	3149,4	3218,2
Nghệ An	920,0	1367,0	1583,0	1820,0	2543,0	2794,0	3004,1	3094,8
Địa phương so với cả nước (%)	66,3	68,4	60,0	58,7	65,6	65,1	70,7	73,6
Địa phương so với vùng (%)	90,4	90,8	79,9	77,2	84,3	83,9	88,3	88,6
Địa phương so với tiểu vùng (%)	102,2	103,8	92,7	87,4	93,4	93,9	95,4	96,2

Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê, 2022.

Khi so với tiểu vùng Bắc Trung Bộ, thu nhập bình quân của tỉnh đã suy giảm từ 102,2% vào năm 2010 xuống còn 87,4% vào năm 2016, sau đó, tăng nhẹ trở lại lên 96,2% vào năm 2021. Còn so với vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, thu nhập bình quân của tỉnh cũng giảm dần từ 90,4% vào năm 2010 xuống còn 77,2% vào năm 2016, sau đó, tăng dần lên đạt 88,6% vào năm 2021. Như vậy, khoảng cách về thu nhập của tỉnh Nghệ An có xu hướng đồng ra so với cả Tiểu vùng Bắc Trung Bộ và vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung trong giai đoạn 2010-2021. Ngoài ra, trong giai đoạn 2010 - 2021 này, năm 2016 dường như tạo ra một thời điểm chuyển đổi, khi thu nhập bình quân của tỉnh Nghệ An quay trở lại đề ngày càng bắt kịp với tiểu vùng và cả vùng.

1.3. Phân phối thu nhập

Phân phối thu nhập của tỉnh Nghệ An đang thấp hơn so với cả nước nhưng cao hơn so với tiểu vùng Bắc Trung Bộ và vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Khi kết hợp với bảng chứng ghi nhận về thu hẹp khoảng cách thu

nhập ở mục 1.2, kết quả này cho thấy rằng, mức thu nhập bình quân của tỉnh Nghệ An không những xa hơn mà còn được phân phối bất bình đẳng hơn so với mức trung bình của tiểu vùng Bắc Trung Bộ và vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung trong giai đoạn 2010-2021.

Theo số liệu của TCTK tại Bảng 4, tỷ lệ chênh lệch thu nhập bình quân đầu người một tháng của nhóm thu nhập cao nhất so với nhóm thu nhập thấp nhất của tỉnh là 7,5 vào năm 2010, tăng lên 9,5 vào năm 2019, và giảm xuống còn 7,1 vào năm 2021. Hai con số này thấp hơn đáng kể so với các mức tương ứng 9,2 vào năm 2010, 10,2 vào năm 2019 và 8,0 vào năm 2021 của cả nước. Nhưng khi so với tiểu vùng Bắc Trung Bộ và vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, tỉnh Nghệ An lại có mức chênh lệch thu nhập cao hơn. Như vậy, tính công bằng trong phân phối thu nhập của tỉnh Nghệ An đang yếu hơn so với tiểu vùng Bắc Trung Bộ và vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung nhưng tốt hơn so với cả nước trong giai đoạn 2010-2021.

BẢNG 4. CHÊNH LỆCH THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI MỘT THÁNG CỦA NHÓM THU NHẬP CAO NHẤT SO VỚI NHÓM THU NHẬP THẤP NHẤT (LÀN)

Năm	2010	2012	2014	2016	2018	2019	2020	2021
Cả nước	9,2	9,4	9,7	9,8	10,0	10,2	8,1	8,0
Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	7,2	7,6	7,8	7,9	8,1	8,3	6,9	6,8
Tiểu vùng Bắc Trung Bộ	6,8	7,1	7,2	7,5	8,1	8,3	8,1	6,9
Nghệ An	7,5	8,1	8,2	8,5	9,3	9,5	6,6	7,1
Địa phương so với cả nước (%)	81,5	86,2	84,5	86,7	93,0	93,1	81,5	88,8
Địa phương so với vùng (%)	104,2	106,6	105,1	107,6	114,8	114,5	95,7	104,4
Địa phương so với tiểu vùng (%)	109,6	113,4	113,3	112,7	114,3	114,5	81,3	102,3

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2022.

2. Thu hẹp khoảng cách về thu nhập so với cả nước

2.1. Nền tảng kinh tế

Xuất phát điểm của tỉnh Nghệ An khá thấp so với mặt bằng chung của tiểu vùng Bắc Trung Bộ và thấp hơn hẳn so với các thành phố trực thuộc Trung ương. Cụ thể, tỷ lệ thu nhập của địa phương so với thành phố Hồ Chí Minh vào năm đầu kỳ (2010) đạt 0,34. Con số này ở mức giữa của tiểu vùng Bắc Trung Bộ: cao hơn tỉnh Thanh Hóa (0,31) và Hà Tĩnh (0,31) nhưng thấp hơn tỉnh Quảng Bình (0,34) và Quảng Trị (0,34). Và con số này cũng thấp hơn hẳn so với các thành phố trực thuộc Trung ương như Đà Nẵng (0,69) và Hà Nội (0,74).

Mặc dù xuất phát điểm thấp, các yếu tố nền tảng kinh tế khác của tỉnh Nghệ An đều đang có sự cải thiện trong các năm gần đây.

Về tốc độ tăng trưởng thu nhập, theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2022) (Hình B1 trong Phụ lục), tăng trưởng của tỉnh Nghệ An có xu hướng suy giảm theo thời gian. Với tăng trưởng đạt 24,3% vào năm 2011 giảm chỉ còn 3,0% vào năm 2021. Trong đà suy giảm này, năm 2017 hiện lên như một điểm đột phá, đạt 19,9%, nâng cao hẳn tốc độ tăng trưởng so với các năm trước và sau đó. Xu hướng suy giảm này cũng áp dụng đối với tăng trưởng thu nhập của tiểu vùng Bắc Trung Bộ và cả nước.

Về chất lượng thể chế, theo số liệu của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (Hình B2 và B3 trong Phụ lục), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Nghệ An liên tục gia tăng theo các năm. Năm 2006, tỉnh đạt 54 điểm, đến năm 2016 đạt 59,46 điểm và đến 2021 thì đạt 64,74 điểm. Trong cùng giai đoạn, xếp hạng của tỉnh cũng liên tục thăng hạng: từ vị trí 23/63 tỉnh, thành phố vào năm 2006 lên 18/63 tỉnh, thành phố vào năm 2020. Vào năm 2021, vị trí xếp hạng của tỉnh đã bị tụt hạng, xuống còn 30/63, chứng tỏ rằng các địa phương khác trong cả nước đang vươn lên mạnh mẽ hơn.

Về nguồn nhân lực, theo số liệu của TCTK (Hình B4 trong Phụ lục), chất lượng nhân lực của tỉnh Nghệ An đã gia tăng trong giai đoạn 2008 đến 2021. Cụ thể, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đã gia tăng từ 12,1% vào năm 2008 lên 23,37% vào năm 2021. Mặc dù chỉ tiêu này của tỉnh vẫn đang thấp hơn cả nước và vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, sự nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vẫn là một điểm sáng về lực lượng lao động tại Nghệ An.

Về cơ sở hạ tầng, theo chỉ số cơ sở hạ tầng tính đến hệ thống điện, nước, giao thông, viễn thông và hạ tầng khu công nghiệp, được công bố bởi Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), tỉnh Nghệ An đang xếp hạng 44/63 tỉnh, thành phố vào năm 2019, thuộc nhóm thấp của cả nước. Vị trí này đã suy giảm so với xếp hạng 36/63 tỉnh, thành phố vào năm 2013. Cũng như lưu ý của VCCI, cơ sở hạ tầng theo dạng này phần lớn thuộc thẩm quyền quyết định của các cơ quan trung ương, nên VCCI không coi là một thành tố của năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tỉnh Nghệ An đã thu hút được gần 2,2 tỷ USD tính lũy kế đến tháng 12/2021. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2022), so với tiểu vùng Bắc Trung Bộ, thành tích của địa phương này cao hơn tỉnh Quảng Bình (766 triệu USD) và Quảng Trị (85 triệu USD), nhưng thấp hơn tỉnh Thanh Hóa (14,2 tỷ USD) và Hà Tĩnh (11,7 tỷ USD). Còn so với các thành phố trực thuộc Trung ương, giá trị thu hút vốn FDI vào tỉnh Nghệ An cao hơn so với thành phố Cần Thơ (725,8 triệu USD) và thấp hơn các thành phố khác như Hà Nội (34,3 tỷ USD) và Hải Phòng (18,7 tỷ USD).

2.2. Kết quả về thu hẹp khoảng cách thu nhập

Phần này tiến hành so sánh tỉnh Nghệ An với các địa phương trong tiểu vùng Bắc Trung Bộ và các thành phố trực thuộc Trung ương, được coi như các địa phương điển hình trong cả

nước. Trong đó, tiểu vùng Bắc Trung Bộ tạo không gian địa lý liên kết sát nhất với tỉnh Nghệ An, còn các thành phố trực thuộc Trung ương là các cực tăng trưởng không những của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung mà còn của cả nước.

Bảng 5 thể hiện vai trò của các yếu tố nền tảng kinh tế đối với kết quả thu hẹp khoảng cách về thu nhập của tỉnh Nghệ An với cả nước. Bài viết này coi thành phố Hồ Chí Minh là địa phương dẫn đầu, từ đó, thu hẹp khoảng cách về thu nhập của một địa phương là quá trình mà địa phương đó tiến gần với mức thu nhập bình quân đầu người của địa phương dẫn đầu. Bộ số liệu, được trình bày ở phần Phụ lục A, tính từ năm 2010 đến năm 2021, bao gồm cả giai đoạn khi đại dịch Covid-19 xảy ra. Vì vậy, nội dung phân tích chỉ phản ánh trạng thái phát triển kinh tế xã hội cập nhật đến nay.

So với tiểu vùng Bắc Trung Bộ, tỉnh Nghệ An có tốc độ thu hẹp khoảng cách về thu nhập đạt 8%, cao hơn so với tỉnh Quảng Trị (đạt 6%) nhưng thấp hơn các tỉnh Thanh Hóa (18%), Hà Tĩnh (16%) và Quảng Bình (9%). Thành tích tốt hơn so với tỉnh Quảng Trị do tỉnh Nghệ An có sự cải thiện trong chất lượng thể chế nhanh hơn và cơ sở hạ tầng, đồng thời với giá trị thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cao hơn. Còn khoảng cách so với các tỉnh còn lại trong tiểu vùng Bắc Trung Bộ có thể do tỉnh Nghệ An có tốc độ tăng trưởng thu nhập thấp hơn, cơ sở hạ tầng yếu hơn và thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng ít hơn. Như vậy, chất lượng nguồn nhân lực và vốn thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đóng vai trò quan trọng trong quá trình tỉnh Nghệ An thu hẹp khoảng cách về thu nhập với các địa phương trong tiểu vùng Bắc Trung Bộ.

BẢNG 5. THU HẸP KHOẢNG CÁCH VỀ THU NHẬP CỦA NGHỆ AN SO VỚI TIỂU VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ CÁC THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Tỉnh	Hội tụ thu nhập	Tỷ lệ thu nhập 2010	Tăng trưởng thu nhập	Nhân lực	Thể chế	Cơ sở hạ tầng	Vốn FDI lũy kế
Nghệ An	0,08	0,34	2,04	20,7	36,0	22,6	2158,2
Các địa phương trong tiểu vùng Bắc Trung Bộ							
Thanh Hóa	0,18	0,31	2,90	19,4	20,0	23,1	14191,2
Hà Tĩnh	0,16	0,31	2,72	25,0	10,0	24,7	11729,0
Quảng Bình	0,09	0,35	2,08	21,7	-6,0	25,6	766,6
Quảng Trị	0,06	0,35	1,90	23,2	-33,0	18,9	85,0
Các thành phố trực thuộc Trung ương							
Hà Nội	0,21	0,74	2,18	48,1	34,0	27,7	34343,7
Hải Phòng	0,21	0,62	2,29	31,6	38,0	22,2	18748,6
Đà Nẵng	0,20	0,69	2,19	44,6	-4,0	26,7	5534,9
Cần Thơ	0,13	0,56	2,06	16,4	2,0	23,2	725,8

Ghi chú: Dự báo hội tụ về thu nhập tại cột (6) được tính dựa vào mô hình phân tích định lượng của bài viết.

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2022) và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2022).

So với các thành phố trực thuộc Trung ương, tỉnh Nghệ An có tốc độ thu hẹp khoảng

cách về thu nhập thấp hơn. Đi kèm với kết quả này là một số yếu tố nền tảng kinh tế kém hơn

hầu các thành phố trực thuộc Trung ương, gồm có xuất phát điểm thấp xét về tỷ lệ thu nhập vào năm 2010, tốc độ tăng trưởng kinh tế, chất lượng nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng. Lượng vốn FDI của tỉnh Nghệ An cũng thấp hơn hẳn so với mức bình quân của các thành phố trực thuộc Trung ương, mặc dù cao hơn so với Cần Thơ. Ngoài ra, khi so sánh với thành phố Đà Nẵng cùng trong vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, tỉnh Nghệ An có tốc độ hội tụ thu nhập thấp hơn Đà Nẵng (đạt 20%), do ba yếu tố đều đang thấp hơn, gồm vốn FDI thu hút, chất lượng nhân lực và cơ sở hạ tầng thấp hơn, và riêng chất lượng thể chế có sự cải thiện theo thời gian.

Kết quả đối chiếu giữa tỉnh Nghệ An với các địa phương trong tiểu vùng Bắc Trung Bộ và các thành phố trực thuộc Trung ương cũng ghi nhận rằng, tốc độ tăng trưởng kinh tế, chất lượng nguồn nhân lực và thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là các yếu tố then chốt đối với quá trình thu hẹp khoảng cách về thu nhập của tỉnh Nghệ An trong giai đoạn 2010-2021. Trong đó, vì nguồn nhân lực và vốn FDI cùng ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, nên hai yếu tố này đóng vai trò cốt lõi giúp thúc đẩy tiến trình thu hẹp khoảng cách về thu nhập của tỉnh Nghệ An trong thời gian qua.

Kết luận và thảo luận chính sách

Bài viết đánh giá quá trình phát triển kinh tế của tỉnh Nghệ An trong tương quan với cả nước,

căn cứ vào sự thay đổi của các yếu tố nền tảng kinh tế. Phương pháp nghiên cứu định lượng, dựa trên bộ dữ liệu 63 địa phương tại Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2021. Trong đó, nội dung phân tích tập trung vào quá trình thu hẹp khoảng cách về thu nhập của tỉnh Nghệ An với các địa phương trong tiểu vùng Bắc Trung Bộ và các thành phố trực thuộc Trung ương.

Kết quả phân tích cho thấy rằng, tỉnh Nghệ An đã đạt được kết quả đáng kể trong phát triển kinh tế, dựa vào tốc độ tăng trưởng cao hơn cả nước, gắn liền với sự ổn định trong phân phối thu nhập. Tỉnh Nghệ An cũng đang có bước tiến trong thu hẹp khoảng cách thu nhập với địa phương dẫn đầu, là thành phố Hồ Chí Minh, song thu nhập của tỉnh lại thấp hơn so với hầu hết các địa phương trong tiểu vùng Bắc Trung Bộ và các thành phố trực thuộc Trung ương.

Bài viết cũng đưa ra gợi ý chính sách quan trọng cho thực tiễn. Kết quả về thu hẹp khoảng cách thu nhập của tỉnh so với cả nước còn phụ thuộc nhiều vào chất lượng nguồn nhân lực và lượng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Do vậy, hai yếu tố này cần được tiếp tục đẩy mạnh để tỉnh Nghệ An cải thiện mạnh mẽ trong thu hẹp khoảng cách thu nhập với các địa phương trong tiểu vùng Bắc Trung Bộ và các thành phố trực thuộc Trung ương trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

1. Acemoglu, Daron (2015). Why nations fail?. *The Pakistan Development Review* 54.4 (2015): 301-312.
2. Aghion, Philippe, Peter Howitt, and David Mayer-Foulkes. "The effect of financial development on convergence: Theory and evidence." *The Quarterly Journal of Economics* 120.1 (2005): 173-222.
3. Barro, Robert J., and Xavier Sala-i-Martin. Convergence. *Journal of Political Economy* 100.2 (1992): 223-251.
4. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. *Báo cáo năng lực cạnh tranh cấp tỉnh qua các năm từ 2010 đến 2021*. Công bố trực tuyến: www.pcivietnam.vn.
5. Solow, Robert M. "A contribution to the theory of economic growth." *The Quarterly Journal of Economics* 70.1 (1956): 65-94.

6. Tạp chí Cộng sản điện tử (2020). Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030. Truy cập ngày 09/09/2022 tại website: <<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/chien-luoc-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-10-nam-2021-2030-3735>>.
7. Tạp chí Cộng sản điện tử (2020). *Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025: Đưa Nghệ An phát triển nhanh và bền vững, sớm trở thành tỉnh khá, là trung tâm kết nối phát triển vùng Bắc Trung Bộ*. Truy cập trực tuyến ngày 09/09/2022 tại website: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/819841/dai-hoi-dai-bieu-dang-bo-tinh-nghe-an-lan-thu-xix%2C-nhiem-ky-2020---2025--dua-nghe-an-phat-trien-nhanh-va-ben-vung%2C-som-tro-thanh-tinh-kha%2C-la-trung-tam-ket-noi-phat-trien-vung-bac-trung-bo.aspx>.
8. Tổng cục Thống kê (2022). Cơ sở dữ liệu trực tuyến: www.gso.gov.vn.
9. Thời báo VnExpress (2021). *Tổng hợp mục tiêu GRDP bình quân đầu người của các địa phương đến năm 2025*. Truy cập ngày 09/09/2022 tại website: <<https://vnexpress.net/muc-tieu-grdp-binh-quan-dau-nguoi-63-tinh-thanh-4195833.html>>.

Phụ lục

Dữ liệu

Thu nhập bình quân đầu người của 63 địa phương qua các năm (2010, 2012, 2014, 2016, 2018, 2019, 2020 và 2021) được thu thập theo

đơn vị triệu đồng. Thành phố Hồ Chí Minh với thu nhập cao nhất được coi như địa phương dẫn đầu. Dựa vào số liệu của TTCK, tỷ lệ thu nhập của mỗi tỉnh, thành phố (j) so với thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) theo mỗi năm (t) là:

$$\frac{Thunhập_t^j}{Thunhập_t^{tpHCM}}$$

Từ đó, kết quả thu hẹp khoảng cách về thu nhập của mỗi địa phương (j) so với địa phương

dẫn đầu, là thành phố Hồ Chí Minh, được ước tính như sau:

$$\text{Thu hẹp Khoảng cách về Thu nhập}_j = \frac{Thunhập_{2021}^j}{Thunhập_{2021}^{tpHCM}} - \frac{Thunhập_{2010}^j}{Thunhập_{2010}^{tpHCM}}$$

Tiếp theo, tốc độ tăng trưởng thu nhập trung bình hàng năm của mỗi địa phương (j), ký hiệu

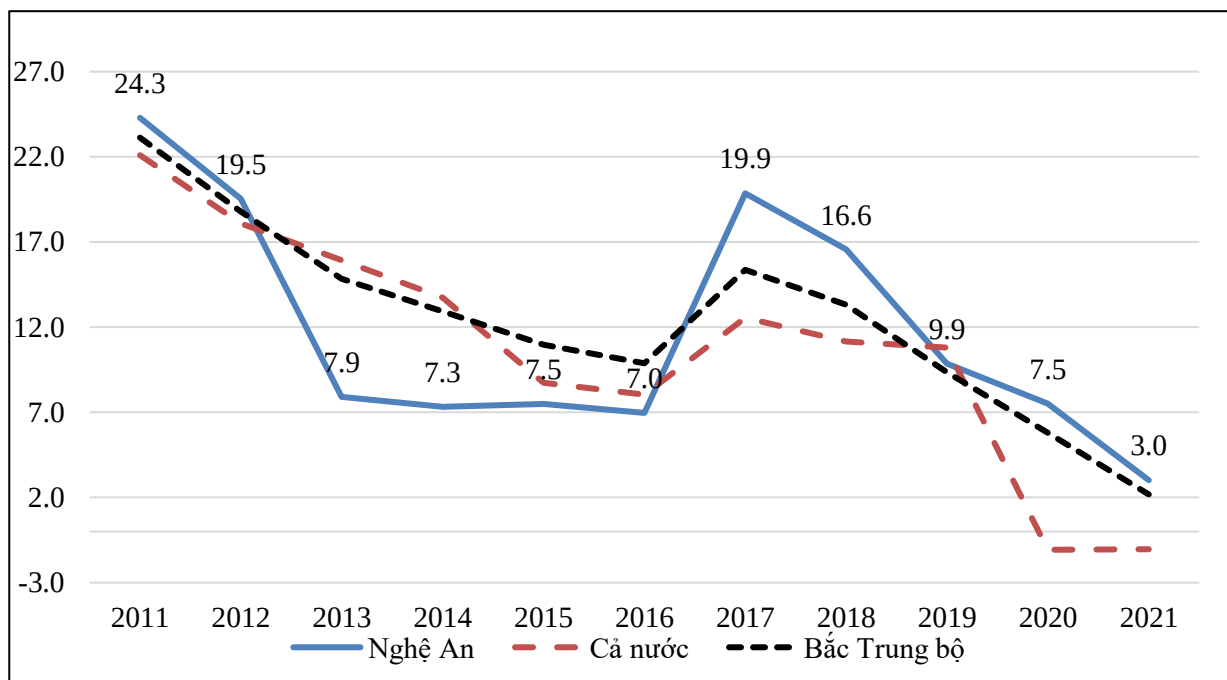
là (*Tăngtrưởngthunhập*), trong giai đoạn 2010 - 2021 được tính như sau:

$$\text{Tăng trưởng thu nhập}_j = \left(\frac{Thunhập_{2021}^j}{Thunhập_{2010}^j} \right)^{1/11} - 1 \times 100$$

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là giá trị lũy kế đăng ký theo đơn vị triệu USD tính đến thời điểm của tháng 12/2021. Chất lượng nguồn nhân lực của mỗi địa phương (j) (*Nhânlực_j*) là tỷ lệ lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo theo đơn vị %. Và chất lượng cơ sở hạ tầng của mỗi địa phương (j) (*Hạ tầng_j*) là

diện tích nhà ở bình quân đầu người, với đơn vị m²/người. Ba số liệu này cùng được lấy từ Tổng cục Thống kê (2022). Cuối cùng, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), công bố bởi Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, được lấy qua các năm từ 2010 đến 2021, sau đó, giá trị biến số (*Thếchế_j*) là sự khác biệt giữa chỉ số PCI của năm cuối kỳ (2021) so với năm đầu kỳ (2010).

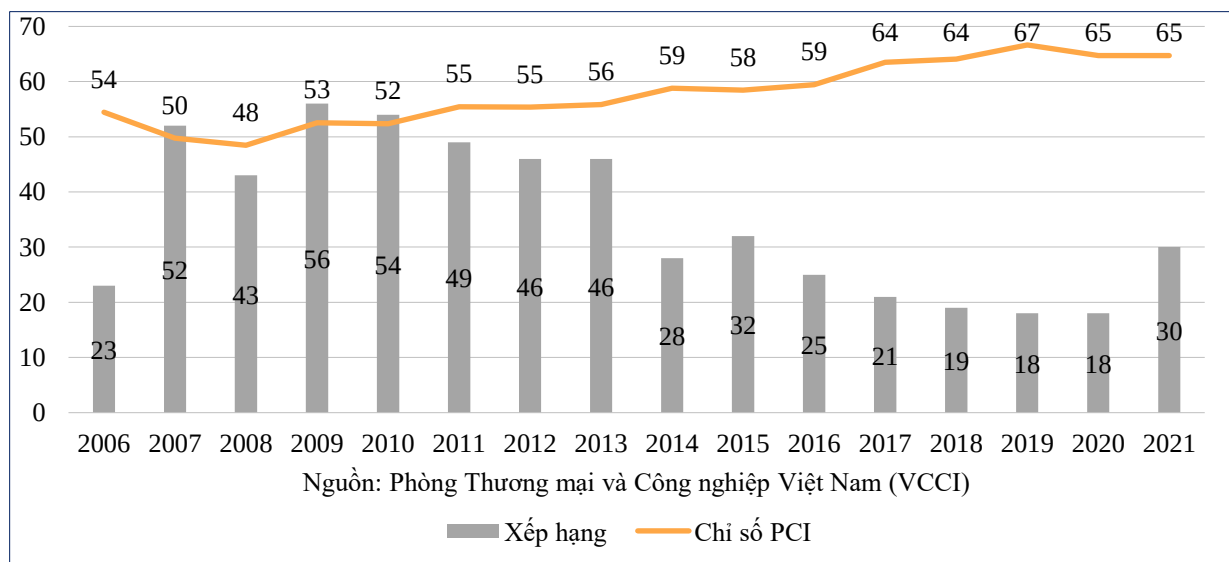
HÌNH B1. TĂNG TRƯỞNG THU NHẬP CỦA TỈNH NGHỆ AN (%)



Ghi chú: Để minh họa, các năm bị khuyết số liệu từ Tổng cục Thống kê gồm 2011, 2013, 2015 và 2017 sẽ mang giá trị trung bình của hai năm liền kề có số liệu.

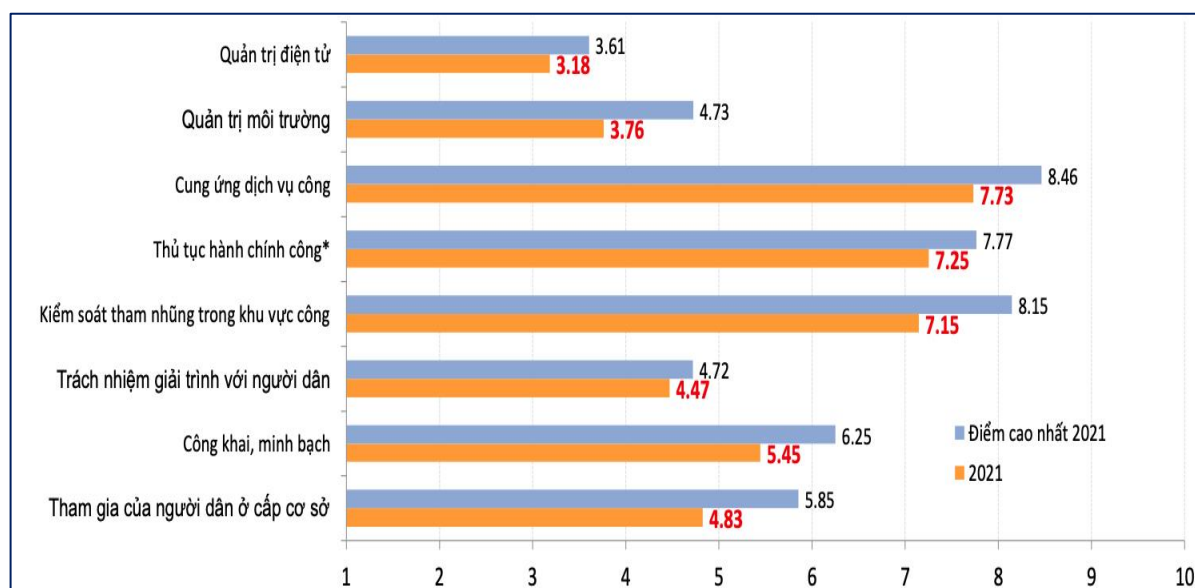
Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2022.

HÌNH B2. NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH CỦA NGHỆ AN



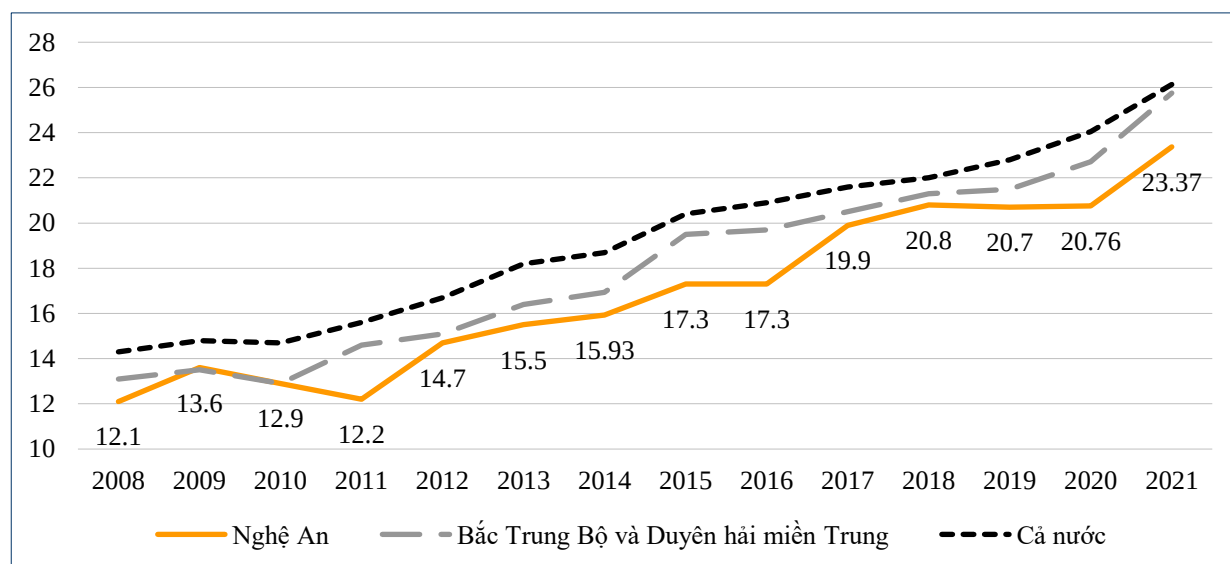
Nguồn: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), 2022.

HÌNH B3. HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH CỦA NGHỆ AN



Nguồn: Chỉ số hiệu quả và quản trị công cấp tỉnh (PAPI), thực hiện bởi Trung tâm Nghiên cứu Phát triển - Hỗ trợ Cộng đồng (CECODES), Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc tại Việt Nam (UNDP), và Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

HÌNH B4. TỶ LỆ LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC TRONG NỀN KINH TẾ ĐÃ QUA ĐÀO TẠO CÓ CHỨNG CHỈ, BẰNG CẤP (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2022.

Thông tin tác giả:

1. Lý Đại Hùng, TS.

- Đơn vị công tác: Viện Kinh tế Việt Nam.

- Địa chỉ email: hunglydai@gmail.com

Ngày nhận bài: 13/10/2022

Ngày nhận bản sửa: 10/1/2023

Ngày duyệt đăng: 12/2/2023